TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2019/DS-PT
Ngày: 27 - 6 – 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Trịnh Xuân Miễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tăng Bửu N1 (Quốc), sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn N3 - Văn phòng Luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lâm Thị X, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Hoàng P - Văn phòng Luật sư Trần Hoàng P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C ..

- Bà Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Bà Lâm Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Tăng Bửu N1 trình bày:

Trong năm 2015 ông có cho bà Lâm Thị X vay tiền nhiều lần, cụ thể là: ngày 21/02/2015 dương lịch (dl) cho bà X vay số tiền 5.000.000 đồng, ngày 16/3/2015dl cho bà X vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 19/3/2015dl cho bà X vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 25/3/2015dl cho bà X vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 22/4/2015dl cho bà X vay số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số tiền các lần vay là 50.000.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước nên khi cho vay hai bên không có làm giấy nhưng có thỏa thuận lãi suất là 100.000 đồng/ngày, bà X sẽ trả tiền lãi vào các ngày 10, 20, 30 dương lịch hàng tháng, trong quá trình vay thì bà X có trả tiền lãi được 3.000.000 đồng. Sau đó bà X không trả tiền vốn và lãi nên đến ngày 02/8/2015dl ông có ghi âm lại cuộc nói chuyện của vợ chồng ông với bà X, nội dung đoạn ghi âm có nội dung bà X thừa nhận có nợ ông số tiền 50.000.000 đồng. Nguồn tiền ông cho bà X vay là do ông vay của ông Phạm Văn T để cho bà X vay lại.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị X trả cho ông số tiền vốn 50.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất theo quy định trong thời gian từ ngày 22/4/2015dl đến ngày 08/4/2019.

Bà Lâm Thị X trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 10/02/2015 bà có vay của ông N1 số tiền 14.000.000 đồng và trong tháng 6/2015 (không nhớ rõ ngày) bà có vay của ông N1 1 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24K, các khoản vay này đã được Tòa án giải quyết xong. Ngoài hai khoản vay nêu trên thì bà không có vay khoản tiền nào khác của ông N1 và bà N2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xác định giọng nói trong đoạn ghi âm (từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc đoạn ghi âm) do ông N1 cung cấp cho Tòa án là giọng nói trong vai người phụ nữ bị ông N1 và bà N2 đòi tiền là của bà nhưng trong đoạn ghi âm này không có đề cập đến việc bà thiếu ông N1 số tiền 50.000.000 đồng như ông N1 trình bày, nên bà không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông N1.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 11/3/2019, bà Nguyễn Thanh N2 trình bày: Bà đồng ý với nội dung yêu cầu của ông Tăng Bửu N1, bà không có ý kiến gì khác.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 11/3/2019, ông Phạm Văn T trình bày: Ông xác nhận số tiền mà ông N1 trình bày đã cho bà X vay là tiền của ông cho ông N1 vay, nhưng ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản tiền ông đã cho ông N1 vay trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Bửu N1, đối với bà Lâm Thị X.

Buộc bà Lâm Thị X trả cho ông Tăng Bửu N1 số tiền 83.994.750 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc bà Lâm Thị X phải trả cho ông Tăng Bửu N1 số tiền chi phí giám định là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/4/2019 bà Lâm Thị X kháng cáo với nội dung bà không đồng ý thanh toán nợ cho ông N1 vì bà không có thiếu nợ 50.000.000 đồng; Chứng cứ băng ghi âm mà ông N1 cung cấp không kèm theo văn bản xác nhận xuất xứ của tài liệu; Việc ông N1 kiện hợp đồng vay là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa, bà X giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu giám định lại băng ghi âm vì giọng nói tại đoạn ghi âm liên quan đến số nợ 50.000.000 đồng không phải của bà và băng ghi âm bị cắt ghép.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Xuân, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Luật sư Nguyễn Văn N3 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tăng Bửu N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, ông N1 thống nhất xét xử vắng mặt Luật sư Nuôi.

[1.2] Luật sư Trần Hoàng P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Thị X có đơn xin hoãn phiên Tòa với lý do ông Phương phải tham gia một vụ án khác tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn. Xét ông Phương đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vào ngày 21/6/2019 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án mở phiên tòa lần hai vào ngày 27/6/2019, ông Phương có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phương theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bà X vẫn khẳng định bà không vay mượn ông N1 số tiền 50.000.000 đồng. Ông N1 khởi kiện thì ông N1 phải đưa ra chứng cứ cho rằng bà thiếu nợ ông.

Xét tại phiên tòa bà X cho rằng theo băng ghi âm xác định giọng nói là của bà nhưng đoạn ghi âm này có sự cắt ghép, không có lần nào bà trình bày liên quan đến số nợ này, bà chỉ thừa nhận đoạn ghi âm liên quan đến số nợ 14.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k là giọng nói của bà còn các phần khác không phải giọng nói của bà. Như vậy bà X phải chứng minh băng ghi âm bị cắt ghép như thế nào, cụ thể từ nội dung và đoạn nào thì mới ra đoạn ghi âm với nội dung *"Năm nói: Rồi cái 50 triệu, rồi chế tính làm sao. Bà X nói: Giờ như chế khổ, hàng tháng chế đóng lời đi...."* và trước đoạn ghi âm này còn thể hiện nội dung bà X thiếu các khoản nợ là 14.000.000 đồng và chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k, các khoản nợ này bà X thừa nhận và hai bên đã thỏa thuận được với nhau, phù hợp với nội dung đoạn ghi âm thể hiện.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà X về việc giám định lại giọng nói của bà trong băng ghi âm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X khẳng định trong đoạn ghi âm giọng nói của bà chỉ có một phần 14.000.000 đồng và 05 chỉ vàng, phần còn lại không phải giọng nói của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm thì bà X thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà nhưng bà chỉ thừa nhận nợ 14.000.000 đồng và 05 chỉ vàng, còn khoản tiền 50.000.000 đồng thì bà không có vay (BL 84, 86) và bà cũng không đề cập tới việc giám định lại do đoạn ghi âm không phải là giọng nói của bà hoặc là đoạn ghi âm có sự cắt ghép. Bà X cũng không nêu lên được lý do yêu cầu giám định lại, xét việc giám định lại chỉ được thực hiện khi có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật theo khoản 5 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó không chấp nhận yêu cầu của bà X.

[2.3] Bản án sơ thẩm nhận định: "…trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà X không thừa nhận có vay số tiền 50.000.000 đồng của ông N1 và cũng cho rằng bà không có bất kỳ cuộc nói chuyện nào với ông N1, bà N2 có nội dung giống như nội dung đoạn ghi âm ký hiệu "Voice 009" mà ông N1 đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, ông N1 yêu cầu Tòa án trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự - Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh giám định giọng nói trong đoạn ghi âm nêu trên và Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã tiến hành lấy mẫu giọng nói của bà X để thu vào thẻ nhớ, niêm phong lại có chữ ký của đương sự (thể hiện tại biên bản về việc lấy mẫu giọng nói của đương sự ngày 16/10/2018 và biên bản về việc lấy mẫu giọng nói của đương sự ngày 12/11/2018) và gửi cho cơ quan giám định. Tại Kết luận giám định số 4468/C09B ngày 30/11/2018 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "Tiếng nói (giọng nói) của người người phụ nữ bị đòi nợ trong mẫu cần giám định do cùng một người nói ra" và "tiếng nói (giọng nói) của người nữ xưng là "chế" trong mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Lâm Thị X trong mẫu so sánh là của cùng một người". Nhận định

của cấp sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà X về nội dung sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông N1.

[2.4] Đối với kháng cáo cho rằng khi ông N1 khởi kiện yêu cầu bà thanh toán tiền vay là hết thời hiệu, xét thấy: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà X không đặt ra vấn đề về thời hiệu. Theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Tòa án chỉ áp dụng quy đinh về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án,..."* nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà X về xem xét thời hiệu.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lâm Thị X phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, phát sinh hiệu lực.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Bửu N1 đối với bà Lâm Thị X.

Buộc bà Lâm Thị X trả cho ông Tăng Bửu N1 số tiền 83.994.750 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc bà Lâm Thị X phải trả cho ông Tăng Bửu N1 số tiền chi phí giám định là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Đối với số tiền trên, kể từ ngày ông Tăng Bửu N1 có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Lâm Thị X phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lâm Thị X phải chịu 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng, làm tròn số). Ông Tăng Bửu N1 không phải chịu án phí, ông N1 có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0004590 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị X phải chịu 300.000 đồng. Đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004327 ngày 22/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà